

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ QUANG
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01 - 2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nghiêm Khắc Cẩn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Thơm**

2. Bà: **Đoàn Thị Ái Vân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Song Hào** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 22/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị L**; cư trú tại thôn Vĩnh H, xã Đức L, huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Dương Hữu Th**; cư trú tại thôn Vĩnh H, xã Đức L, huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày như sau:

Chị L và anh Dương Hữu Th kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức L, huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 04 tháng 4 năm 1994. Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung là Dương Thị Trà G, sinh ngày 01/01/1994; Dương Thị Huyền Tr, sinh ngày 31/7/1997 và Dương Thị Xuân Th, sinh ngày 03/01/2000 và tạo lập được tài sản chung gồm 01 ngôi nhà chính ba gian xây gạch, 01 ngôi nhà ngang hai

gian xây gạch, 01 ngôi nhà bếp gắn với công trình vệ sinh xây gạch, 01 chuồng bò hai gian xây gạch hiện đang nằm trên đất mượn của ông bà ngoại (cha mẹ đẻ của chị L) ở thôn Vĩnh H, xã Đức L, huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh. Đến khoảng tháng 10 /2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến khoảng tháng 7 năm 2017 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, không cùng quan điểm cuộc sống nên anh Th thường xuyên chửi bới, hành hạ và đánh đập chị L. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nội, ngoại cũng như thôn, xã hoà giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc cho tương lai nên đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Dương Hữu Th.

Về quan hệ con cái: Hai con đầu đã thành niên, tự làm ăn nuôi sống được bản thân, còn con Dương Thị Xuân Th, sinh ngày 03/01/2000 chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Dương Hữu Th phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Dương Hữu Th trình bày: Về xác lập quan hệ hôn nhân anh Th cũng nhất trí như trình bày của chị L . Tuy nhiên, việc phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là cũng do chị L cư xử không đúng mực, không tôn trọng chồng nên mới dẫn đến việc cãi vã, chửi bới và đánh đập nhau. Nay chị L có yêu cầu ly hôn, anh Th không đồng ý ly hôn với lý do vì thương con cái.

Về quan hệ con cái: Hai con đầu của vợ chồng và con riêng của anh là Dương Hoài N , sinh ngày 30/9/1990 đã thành niên, tự làm ăn nuôi sống được bản thân, còn con Dương Thị Xuân Th , sinh ngày 03/01/2000 anh Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị L phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Th nhất trí như ý kiến chị L yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại bản khai ngày 30/11/2017, chị L và anh Th rút yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các bên đương sự không có tài liệu, chứng cứ gì cung cấp thêm cho Tòa án và chị L vẫn cương quyết xin ly hôn, còn anh Th không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Quá trình thụ lý vụ án đến nay, Tòa án tuân thủ đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị L ly hôn anh Dương Hữu Th.

Về quan hệ con cái: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm các con của vợ chồng đã thành niên nên để cho các con tự quyền quyết định việc lựa chọn ở chung với cha hay mẹ.

Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 xử buộc chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của chị Trương Thị L xin ly hôn anh Dương Hữu Th là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh theo Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị L và anh Dương Hữu Th là hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến sống ly thân là do không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau và anh Th đã nhiều lần đánh đập chị L. Tuy sự việc đã được gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn anh Th và chị L không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, anh Th có hành vi bạo lực gia đình nên đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị L ly hôn anh Dương Hữu Th.

[3] Về quan hệ con cái: Xét các con của anh Th và chị L tính đến ngày xét xử sơ thẩm đều là người đã thành niên, không có con không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xét mà để cho các con tự lựa chọn quyết định việc ở với cha hay với mẹ.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Xét yêu cầu của chị L và anh Th về rút yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng tại bản khai ngày 30/11/2017 là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị L ly hôn anh Dương Hữu Th.

- Về quan hệ tài sản chung vợ chồng: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tài sản chung của chị Trương Thị L và anh Dương Hữu Th.

- Về án phí: Buộc chị Trương Thị L nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/ 0000008 ngày 23/10/2017 của Chi cục T dân sự huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS;
- Chi cục THADS;
- Dương sự;
- UBNDX nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Khắc Cẩn